TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 74/2024/QĐST-DS	*Lạng Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt

Ông Đồng Văn Diện

Căn cứ các Điều 157, 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy:

[1] Về nguồn gốc các thửa đất:

[1.1] Đối với thửa đất của hộ bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L: Khoảng năm 1980, hộ ông Phạm Quang S (là bố của bà Phạm Thị Đ) sử dụng đất tại khu trại B, thôn A, xã X để trồng cây lâm nghiệp. Đến năm 1990, ông S được UBND xã X giao 2.160m^2 đất lâm nghiệp. Theo hồ sơ địa chính xã X đo vẽ năm 1993 thì thửa đất hộ ông S đo vẽ thể hiện tại các thửa đất: Thửa đất số 630, diện tích 900m^2 và thửa đất số 347, diện tích 482m^2 cùng tờ bản đồ số 14 (tổng diện tích 02 thửa đất là 1.382m^2). Phía Nam thửa đất số 630, diện tích 900m^2 có thể hiện đường đi vào thửa đất hộ bà H, ông N (thửa đất số 1023, diện tích 924m^2). Năm 1999, ông Phạm Quang S được UBND huyện cấp GCNQSD đất lâm nghiệp diện tích 1.333m^2, sau đó ông S có chuyển quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Đ là con gái sử dụng. Năm 2003, UBND xã X đo đạc lại bản đồ địa chính đất ở và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn xã, hiện trạng thửa đất hộ bà Phạm Thị Đ thể hiện tại thửa đất 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.111,8m^2. Sau đo đạc UBND xã X tổ chức cho các hộ gia đình trong toàn xã kê khai đăng ký để xét cấp GCNQSD đất ở, đất lâm nghiệp, hộ bà Phạm Thị Đ đăng ký đề nghị cấp GCNQSD đất thửa đất 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.111,8m^2, mục đích đất lâm nghiệp. Hội đồng đăng ký đất đai xã X đã xét, xác nhận đủ điều kiện trình UBND huyện cấp GCNQSD đất cho hộ bà Đ đối với thửa đất 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.111,8m^2. Theo Quyết định số 1694/QĐ-CT ngày 24/8/2004 của UBND huyện về cấp lại GCNQSD đất sau đo đạc bản đồ địa chính, hộ bà Phạm Thị Đ được cấp GCNQSD đất thửa đất 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.111,8m^2. Việc thiết lập hồ sơ, xét đề nghị cấp GCNQSD đất cho hộ bà Phạm Thị Đ thửa đất 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.111,8m^2 là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất.

[1.2] Đối với thửa đất của hộ bà Đặng Thị H, ông Phạm Quang N: Trước năm 1980, hộ ông Phạm Quang N1 (là bố ông Phạm Quang N) sử dụng đất tại khu trại B, thôn A, xã

X để trồng cây lâm nghiệp, khoảng năm 1988, ông Phạm Quang N1 cho vợ chồng ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H sử dụng khu vực đất trên. Đến năm 1990, UBND xã X giao 600m^2 đất lâm nghiệp cho hộ ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H. Hộ ông N, bà H có xây nhà trên phần diện tích đất này được một vài năm sau đó tháo dỡ nhà chuyển đi nơi khác để ở. Theo hồ sơ địa chính xã X đo vẽ năm 1993 thì thửa đất hộ ông N, bà H đo vẽ thể hiện tại thửa đất số 1023, tờ 14, diện tích 924m^2 và theo bản đồ địa chính đo năm 2003 thửa đất hộ ông N, bà H thể hiện tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.107m^2. Nay hộ ông N, bà H chưa được UBND huyện cấp GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên.

[2] Về diễn biến quá trình sử dụng các thửa đất: Quá trình sử dụng hai thửa đất liền kề, từ trước giữa gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L và gia đình bà Đặng Thị H, ông Phạm Quang N không sảy ra tranh chấp gì. Gia đình bà Đ đã xây dựng ngôi nhà ở cấp bốn 3 gian từ năm 2006, phía sau ngôi nhà gần sát với danh giới giáp danh liền lề giữa hai nhà. Năm 2011 gia đình bà Đ cho vợ chồng con trai là Nguyễn Văn L1, vợ Trần Thị L3 ra ăn ở, sinh sống trên thửa đất (vợ chồng anh L1, chị L3 đã ly hôn), khi đó gia đình bà Đ có xây thêm công trình phụ, làm sân, nhà vệ sinh để vợ chồng anh L1 ở. Từ đó đã sảy ra tranh chấp, gia đình bà H, ông N cho rằng, gia đình bà Đ đã cho con trai xây công trình phụ lấn chiếm vào phần đất lâm nghiệp của gia đình, quá trình hoà giải tại địa phương không thành, nên bà H, ông N đã khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2013/DS-ST ngày 27/8/2013 Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã quyết định: "*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H đòi 83,8m^2 diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp tại số thửa 81, tờ bản đồ số 15 thuộc thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L có các cạnh AB dài 37,36m, cạnh CD dài 34,07m, cạnh AD dài 2,68m, cạnh BC dài 1,77m (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/01/2013 kèm theo).*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H đòi 83,5m^2 diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp lối đi tại số thửa 81, tờ bản đồ số 15 thuộc thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L có các cạnh DN dài 3,79m, cạnh DE dài 1,57m, cạnh EJ dài 1,21m, cạnh JH dài 10,10m, cạnh HI dài 14,94m, cạnh IG dài 3,98m, cạnh GM dài 14,35m, cạnh MF dài 10,90m, cạnh FN dài 1,19m (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/01/2013 kèm theo)". Do không đồng ý với kết quả Bản án, bà H, ông N kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/8/2014 Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: "*Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm*".

[2.1] Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 331/TB-TANDCC-DS ngày 03/7/2017 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội gửi bà Đặng Thị H đã xác định: Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được đơn của bà H đề nhị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/8/2014 Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu đơn đề nghị bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến như sau:

"*Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên*".

[2.2] Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 178/TB-TA ngày 26/10/2018 của Toà án nhân dân tối cao gửi bà Đặng Thị H đã xác định: Trước đây bà đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm. Tại Công văn số 331/TB-TANDCC-DS ngày 03/7/2017, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trả lời đơn đề nghị của bà, nay bà lại tiếp tục có đơn đề nghị. Sau khi nghiên cứu đơn đề nghị và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Toà án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

"*Thực tế, toàn bộ diện tích 83,8m^2 đất tranh chấp nêu trên nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Đ.*

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm, Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà đối với diện tích đất nêu trên là có căn cứ.

Bà không xuất trình được tài liệu đủ để chứng minh diện tích 83,5m^2 đất là lối đi chung. Trong khi đó, diện tích đất tranh chấp này nằm trong diện tích đất bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận đề nghị này của bà là có cơ sở.

Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/8/2014 nêu trên".

[2.3] Tại Thông báo về việc không kháng nghị tái thẩm số 306/TB-VC1-DS ngày 19/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội gửi ông Phạm Quang N, bà Đặng Thị H xác định:

"*Sau khi nghiên cứu đơn đề nghị của ông, bà cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy:*

Tại Bản án dân sự phúc thẩm xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà đòi 83,8m^2 diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp tại số thửa 81, tờ bản đồ số 15 và 83,5m^2 diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp lối đi tại số thửa 81, tờ bản đồ số 15 thuộc thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ông bà có đơn đề nghị kháng nghị tái thẩm gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ mới.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không kháng nghị tái thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang".

[3] Từ sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/8/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang có hiệu lực đến nay. Về danh giới, mốc giới, các công trình xây dựng trên thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15 vẫn giữ nguyên hiện trạng không có xây dựng mới công trình nào. Phần danh giới giáp danh bên thửa đất gia đình bà H, ông N sử dụng cũng không xây dựng mới công trình nào mà vẫn giữ nguyên hiện trạng.

[3.1] Tại phiên tòa, gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L đều có mặt xác định: Từ sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/4/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử đến nay hai bên gia đình vẫn sử dụng danh giới như vậy, chưa bên nào xây dựng công trình gì trên phần danh giới giáp danh liền kề. Danh giới giáp danh liền kề giữa hai gia đình không có thay đổi gì vẫn giữ nguyên như thời điểm Bản án

dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/4/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xét xử.

[3.2] Tại phiên toà, bà Đặng Thị H, ông Phạm Quang N đều có mặt xác định: Từ sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/4/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử đến nay gia đình ông, bà vẫn sử dụng danh giới giáp danh như vậy, gia đình ông, bà chưa xây dựng công trình gì trên phần danh giới giáp danh liền kề. Phía gia đình bà Đ, cũng chưa xây dựng công trình gì trên phần danh giới giáp danh liền kề. Hai gia đình vẫn sử dụng danh giới giáp danh như vậy không có biến động gì, giữa hai gia đình không có thay đổi gì, vẫn giữ nguyên hiện trạng như thời điểm Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2014/DS-PT ngày 06/4/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử.

[4] Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đề nghị HĐXX đình chỉ trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn cho bà Đ, vì sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Toà án. Xét thấy, phát biểu quan điểm, đường lối xử lý vụ án này của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên toà hôm nay, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy, xác định sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Toà án. Do vậy cần đình chỉ trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn cho bà Đ, xét phù hợp điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đ đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo vẽ sơ đồ bằng mày kỹ thuật số. Bà Đ đã nộp 3.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 3.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và 17.500.000đ tiền chi phí đo đạc sơ đồ bằng máy kỹ thuật số. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự UBND huyện và Đơn vị đo đạc đã chi phí hết. Do đình chỉ trả lại đơn khởi kiện, nên bà Đ phải chịu toàn bộ tiền chi phí trên. Đã thanh toán xong với Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự UBND huyện và Đơn vị đo đạc.

[7] Về án phí: Trả lại bà Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;

2. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1990;

3. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994;

Đều cư trú: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Phạm Quang N, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

6. Uỷ ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lương Văn B, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lạng Giang đại diện theo uỷ quyền (Quyết định uỷ quyền số 16286/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang). Địa chỉ: TDP T, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2/ Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Đ phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 3.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và 17.500.000đ tiền chi phí đo đạc sơ đồ bằng máy kỹ thuật số. Đã thanh toán xong với Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng định giá tài sản và Đơn vị đo đạc.

- Về án phí: Hoàn trả bà Phạm Thị Đ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007404 ngày 26/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3/ Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi